

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2020

V/v: xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Vinh

2. Ông Vũ Đức Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/02/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:609/2019/TLST-HNGĐ ngày11tháng12 năm 2019 về tranh chấp *ly hôn, tranh chấp nuôi con*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2020/QĐXX-ST ngày11tháng02năm2020giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990

*Bị đơn:* Anh Lê Văn D, sinh năm 1987

Cùng HKTT: Thôn GS, xã TL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

( *chị Bình, anh D đều có mặt tại phiên tòa* )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải chị Nguyễn Thị B trình bày:* Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Lê Văn D ngày 04/11/2008tại UBND xã TL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tìm hiểu. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D hay uống rượu say về chửi bới, cờ bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Đầu năm 2019 tôi đã làm đơn xin ly hôn tại Toà vì anh D đã hứa sửa chữa tật xấu nên tôi đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh D vẫn không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn.

*Trong bản tự khai và biên bản hoà giải anh Lê Văn D trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị B ngày 04/11/2008 tại UBND xã TL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi uống rượu và hay ghen tuông, nguyện vọng của tôi mong muốn chị B suy nghĩ lại cho tôi cơ hội sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy các con, nếu chị B kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

**Con chung:**Chị B và anh D đều thừa nhận có 3 cháu Lê Phương T, sinh ngày 11/8/2009; Lê Hải T1, sinh ngày 06/02/2016; Lê Hải Y, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay 3 cháu đang ở với chị B.

Quan điểm của chị B: Khi ly hôn tôi nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con do anh D không lao động.

Quan điểm của anh D: Trường hợp giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Y và T1 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, nợ chung: Chị B, anh D cùng trình bày không có.

*Tại bản tự khai của cháu Lê Phương T trình bày:* bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Đây là sự tự nguyện của cháu, không ai ép buộc cháu.

Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh Lê Văn D đồng ý xin được ly hôn, con chung anh xin được nuôi 2 cháu là cháu Lê Phương T và cháu Lê Hải Y.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì phát biểu quan điểm vụ án:*Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc đúng thẩm quyền, quá trình tố tụng Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn D. Về con chung:có 3 cháu Lê Phương T, sinh ngày 11/8/2009; Lê Hải T1, sinh ngày 06/02/2016; Lê Hải Y, sinh ngày 29/8/2017. Giao cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi 3 cháu, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung;Tài sản riêng: không có, Công nợ: không có. Án phí: Chị B tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B khởi kiện ly hôn anh Lê Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã TL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Lê Văn D, đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Ba Vì và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B, anh D thấy rằng: Thời gian đầu hôn nhân chị B, anh D chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh D lạm dụng sử dụng rượu. Đại diện gia đình bố mẹ đẻ anh D thừa nhận việc anh D có sử dụng rượu thường xuyên, liên tục từ năm 2017 đến nay khiến thể lực suy giảm, tinh thần lệ thuộc rượu, ngoài ra anh D còn tật ghen tuông mắng chửi vợ nên tình cảm vợ chồng dần nứt.

Sau khi thụ lý vụ án, lúc đầu anh D từ chối nhận thông báo thụ lý vụ án, từ chối cung cấp lời khai nhưng sau đó có tham gia tố tụng và thể hiện nguyện vọng mong muốn chị B rút đơn đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh D nhất trí thuận tình ly hôn chị B. Xét mâu thuẫn giữa anh D, chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị B và anh D đều xin thuận tình ly hôn, do vậy HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị B, anh D.

[3] Về con chung: Chị B, anh D cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung: Lê Phương T, sinh ngày 11/8/2009; Lê Hải T1, sinh ngày 06/02/2016; Lê Hải Y, sinh ngày 29/8/2017. Chị B có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Y. Xét nguyện vọng nuôi con của chị B và anh D đều chính đáng. Nhưng cháu Lê Phương T đã trên 7 tuổi cháu có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Lê Hải Y chưa được 3 tuổi, hơn nữa điều kiện hiện nay của anh D chưa có công ăn việc làm ổn định, tình trạng lạm dụng sử dụng rượu vẫn còn, để đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 81 Luật HN&GD năm 2015 Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 cháu đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung và xét điều kiện hiện nay anh D không thể cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng trình bày xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét giải quyết trong vụ án này

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn D.

- Về con chung: có 03 con chung: Lê Phương T, sinh ngày 11/8/2009; Lê Hải T1, sinh ngày 06/02/2016; Lê Hải Y, sinh ngày 29/8/2017. Giao chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba con chung Lê Phương T; Lê Hải T1; Lê Hải Y đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn D cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 11/12/2019 theo biên lai số 0009765.

- Quyền kháng cáo: Án Hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, có mặt các đương sự. Chị B, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã TL
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã Ký)

**Ngô Thị Thu Hường**